

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Vạn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Hải Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh K, sinh năm 1968, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1968, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 22/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Anh K trình bày:**

Ông và bà Lê Thị Lệ Thủy C sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cãi vã nhau rất nhiều, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Thời gian qua, mặc dù ông đã cố gắng dung hòa với bà T nhưng không có kết quả tốt mà ngược lại mâu thuẫn càng gây gắt. Ông bà đã sống ly thân hơn 25 năm nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Anh K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Lê Thị Lệ T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh năm 1989 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 22/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Lệ T trình bày:**

Bà và ông Trần Anh K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên bà và ông K đã sống ly thân nhau nhiều năm nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

- Về hôn nhân: Bà thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Trần Anh K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh năm 1989 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông K có đơn yêu cầu ly hôn với bà T, bị đơn bà T có địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Trần Anh K và bà Lê Thị Lệ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông K và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông K và bà T thống nhất yêu cầu không công nhận ông K với bà T là vợ chồng là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống giữa ông K với bà T là vợ chồng.

3.2. Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Trần Anh K với bà Lê Thị Lệ T là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Trần Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003267 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên ông K đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Nhanh

